

Bản án số: 01/2025/DS-ST.

Ngày: 10 – 07 – 2025.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Ngọc.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Khắc Dũng.

2. Ông Y Ník Êban

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Văn Cường - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 10/07/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2025/TLST- DS ngày 20 tháng 03 năm 2025 “Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐ – ST, ngày 28 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2025/QĐ – ST, ngày 27/06/2025 và Thông báo chuyển lịch xét xử, Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Tạ Văn T, sinh năm 1960

Nơi cư trú: Tổ dân phố D, thị trấn E, huyện E (nay là Tổ dân phố D, xã E), tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Vũ Duy Q và bà Nguyễn Thị D.

Nơi cư trú: Buôn T, xã E, huyện E (nay là Buôn Tong S, xã E), tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Bùi Thị P, sinh năm 1960.

Nơi cư trú: Tổ dân phố D, thị trấn E, huyện E (nay là Tổ dân phố D, xã E), tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại các buổi làm việc tại tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Tạ Văn T trình bày:

Tôi và bà Bùi Thị P là vợ chồng, còn đối với bị đơn ông Vũ Duy Q và bà Nguyễn Thị D là chỗ quen biết, vào ngày 04/01/2023 vợ chồng ông Vũ Duy Q và bà Nguyễn Thị D có làm hợp đồng vay vốn vợ chồng tôi số tiền 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 10 ngày hai bên thống nhất thời hạn trả nợ vào ngày

14/01/2023. Tài sản cầm thế chấp là 01 giấy chuyển nhượng đất được lập ngày 06/02/2014 giữa ông Vũ Duy Q, bà Nguyễn Thị D với bà H Brit K. Quá trình vay mượn thì ông Vũ Duy Q và bà Nguyễn Thị D đã trả được cho tôi số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), còn nợ lại là 450.000.000 đồng (Bốn trăm lăm mươi triệu đồng).

Hai vợ chồng ông Q và bà D có hứa trả thêm 200.000.000 đồng tiền gốc để mượn lại 01 Giấy chứng nhận QSD đất số CM279593 và 01 bộ giấy tờ đã được công chứng mua bán với bà H Wui M và giao giấy tờ cho tôi cầm vào ngày 01/03/2024 có chữ ký của bà P1 và bà D. Tuy nhiên không đưa tiền cho tôi và không thực hiện việc cam kết này và nội dung này đã được tôi ghi tại biên bản hòa giải ngày 14/08/2024 do Tòa án nhân huyện E giải quyết nhưng hòa giải không thành vì ông Q và bà D không thực hiện như nội dung đã cam kết và từ đó đến nay không thực hiện trả cho tôi số tiền gốc và tiền lãi suất nào.

Nay tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết buộc ông Vũ Duy Q và bà Nguyễn Thị D phải trả cho tôi ông Tạ Văn T và bà Bùi Thị P số tiền nợ là 450.000.000 đồng và tiền lãi suất là 10%/năm theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, được tính kể từ ngày 04/01/2023 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm.

Còn đối với ý kiến của ông Vũ Duy Q tại bản tự khai ngày 22/04/2025 đã thừa nhận nợ tôi số tiền là 450.000.000 đồng và yêu cầu tôi phải trả lại giấy tờ là 01 giấy chuyển nhượng đất được lập ngày 06/02/2014 giữa ông Vũ Duy Q, bà Nguyễn Thị D với bà H Brit K thì tôi đồng ý trả nếu ông Q và bà D trả hết nợ cho tôi. Việc ông Vũ Duy Q và bà Nguyễn Thị D đòi lại bìa đỏ giấy tờ trong vụ án này, lý do tiền vay nợ tôi chưa trả, làm sao đòi bìa để tôi chấp nhận được. Yêu cầu Tòa án bác bỏ không xem xét, trừ trường hợp ông Vũ Duy Q và bà Nguyễn Thị D trả toàn bộ số tiền gốc và lãi thì tôi có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ mọi giấy tờ thế chấp có liên quan đến việc vay nợ của tôi.

Đề nghị HĐXX bác bỏ về phần bà P1, ông H đòi bìa đỏ của bà H Wui Mlô theo bản án số 64/2025/DSPT ngày 26/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Vì bà Nguyễn Thị D đã giao cho tôi giữ để đảm bảo khoản nợ 450.000.000 đồng gốc.

** Tại bản tự khai, hòa giải tại Tòa án bị đơn ông Vũ Duy Q và bà Nguyễn Thị D trình bày:*

Tôi và bà D là vợ chồng. Vào ngày 04/01/2023 vợ chồng tôi có vay của ông Tạ Văn T số tiền 550.000.000 đồng. Các bên có lập giấy hợp đồng vay vốn, trong giấy vay ông T không ghi lãi suất cụ thể, nhưng vợ chồng tôi cũng đồng ý. Thời hạn trả là 10 ngày kể từ ngày vay 04/01/2023 đến ngày 14/01/2023. Tới thời hạn trả nợ vợ chồng tôi mới trả cho ông T được 100.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại số tiền 450.000.000 đồng. Để đảm bảo cho việc vay nợ tôi đã tín chấp cho ông T 01 giấy chuyển nhượng đất giữa bà H' Brit Ksor cho vợ chồng tôi.

Nay ông Tạ Văn T yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền 450.000.000 đồng tiền gốc và lãi là 121.500.000 đồng thì vợ chồng tôi chỉ chấp nhận trả số tiền gốc là 450.000.000

đồng. Đối với số tiền lãi 121.500.000 đồng tôi không đồng ý, tôi chỉ chấp nhận trả lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến nay.

Tôi yêu cầu ông T trả lại cho tôi 01 giấy chuyển nhượng đất giữa bà H' Brit Ksor bán đất cho vợ chồng tôi.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị P trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của ông Tạ Văn T.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự và triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự và thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Qua các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và lời trình bày của các đương sự đều thừa nhận bị đơn ông Vũ Duy Q và bà Nguyễn Thị D còn nợ của nguyên đơn số tiền 450.000.000 đồng. Căn cứ Điều 463, 466 BLDS đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc bà bị đơn ông Vũ Duy Q và bà Nguyễn Thị D phải có trách nhiệm trả cho ông Tạ Văn T và bà Bùi Thị P số tiền 450.000.000 đồng.

Về lãi suất: Trong giấy vay tiền không ghi rõ lãi suất, các đương sự yêu cầu tính lãi suất là 10%/năm theo khoản 2 Điều 468 BLDS là có căn cứ lãi suất được tính kể từ ngày 04/01/2023 đến ngày 10/07/2025 là 916 ngày sẽ được tính như sau:

$(450.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 916 \text{ ngày}) : 365 \text{ ngày} = 112.931.506 \text{ đồng}.$

Tổng cộng buộc bị đơn ông Vũ Duy Q và bà Nguyễn Thị D phải có trách nhiệm trả cho ông Tạ Văn T và bà Bùi Thị P số tiền nợ 562.931.506 đồng.

Đối với yêu cầu của ông Tạ Văn T yêu cầu Tòa án bác bỏ về phần bà P1, ông H đòi GCNQSD đất của bà H Wui Mlô theo bản án số 64/2025/DSPT ngày 26/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Đối với yêu cầu này đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật nên không có căn cứ để xem xét.

- *Về án phí:* Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đơn khởi kiện của ông Tạ Văn T khởi kiện đối với bị đơn ông Vũ Duy Q và bà Nguyễn Thị D, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa bị đơn ông Vũ Duy Q và bà Nguyễn Thị D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét nội dung vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn ông Vũ Duy Q và bà Nguyễn Thị D phải trả số tiền đã vay là 450.000.000 đồng (**Bốn trăm năm mươi triệu đồng**) và tiền lãi suất 10%/năm tính từ ngày 04/01/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. HĐXX nhận thấy: Tại bản tự khai, hòa giải các đương sự đều thừa nhận vào ngày 04/01/2023 ông Vũ Duy Q và vợ bà Nguyễn Thị D có vay của ông Tạ Văn T và bà Bùi Thị P số tiền 550.000.000 đồng đã trả được số tiền 100.000.000 đồng hiện còn nợ số tiền 450.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là tình tiết không cần chứng minh.

Tuy nhiên, đến hạn trả nợ của khoản vay là vào ngày 14/01/2023 bị đơn không trả nợ theo như cam kết mà chỉ trả được 100.000.000 đồng còn nợ lại 450.000.000 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

Tại các điều luật trên quy định:

Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền 450.000.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Trong giấy vay tiền các bên không ghi rõ lãi suất, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10%/năm, bị đơn đồng ý trả lãi suất theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, lãi suất được tính kể từ ngày 04/01/2023 đến ngày 10/07/2025 là 916 ngày sẽ được tính như sau:

$(450.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 916 \text{ ngày}) : 365 \text{ ngày} = 112.931.506 \text{ đồng}.$

Từ những phân tích và nhận định nêu trên HĐXX cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Vũ Duy Q và bà Nguyễn Thị D phải có trách nhiệm trả cho ông Tạ Văn T và bà Bùi Thị P số tiền nợ 450.000.000 đồng và tiền lãi suất là 112.931.506 đồng. Tổng cộng là 562.931.506 đồng.

Trong quá trình vay mượn ông Vũ Duy Q và bà Nguyễn Thị D có đưa cho ông Tạ Văn T 01 giấy chuyển nhượng đất lập ngày 06/02/2014 giữa ông Vũ Duy Q, bà Nguyễn Thị D với bà H Brit K1, việc cầm giấy tờ để làm tin, do yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn được chấp nhận nên cần buộc ông Tạ Văn T phải có trách nhiệm trả cho ông Vũ Duy Q và bà Nguyễn Thị D giấy tờ gốc chuyển nhượng này là phù hợp.

Ông Tạ Văn T yêu cầu Tòa án bác bỏ về việc bà P1, ông H đòi GCNQSD của bà H Wui Mlô theo bản án số 64/2025DSPT ngày 26/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Đối với yêu cầu này đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật nên HĐXX không có căn cứ để xem xét.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147, Điều 195, Điều 203; Khoản 2, Điều 227; Khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Tạ Văn T.

Buộc ông Vũ Duy Q và bà Nguyễn Thị D phải có trách nhiệm trả cho ông Tạ Văn T và bà Bùi Thị P **số tiền nợ 450.000.000 đồng và tiền lãi suất là 112.931.506 đồng. Tổng cộng là 562.931.506 đồng** (*Năm trăm sáu mươi hai triệu chín trăm ba mươi một ngàn năm trăm lẻ sáu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Buộc ông Tạ Văn T phải trả cho ông Vũ Duy Q và bà Nguyễn Thị D **01 giấy chuyển nhượng đất lập ngày 06/02/2014 giữa ông Vũ Duy Q, bà Nguyễn Thị D với bà H Brit K1 (Giấy gốc).**

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Vũ Duy Q và bà Nguyễn Thị D phải chịu 26.517.260 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo mức tính: (400.000.000 đồng = 20.000.000 đồng + **162.931.506 đồng** x 4%).

Ông Tạ Văn T thuộc đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nên không đề cập giải quyết.

Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì

người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 7 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Cơ quan THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Nguyễn Minh Ngọc